

**HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ  
ĐỂ BẢO VỆ NGƯỜI YẾU THỂ**

**NGUYỄN HUY HOÀNG\***

Ngày nhận bài: 20/06/2021

Ngày phản biện: 28/06/2021

Ngày đăng bài: 30/09/2021

**Tóm tắt:**

Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người đại diện cho đương sự trong trường hợp họ không thể tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự. Đặc biệt, những cá nhân phải có người đại diện theo pháp luật thường là những người yếu thế đang được sự quan tâm của toàn xã hội. Những người yếu thế cần được bảo vệ không chỉ ở các quy định pháp luật riêng biệt hay pháp luật hình sự mà còn có thể được bảo vệ bằng những chế định dân sự, tố tụng dân sự tiến bộ, đó chính là chế định đại diện.

Bài viết xác định những đối tượng yếu thế được bảo vệ thông qua người đại diện theo pháp luật. Qua phân tích các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng pháp luật để làm sáng tỏ những bất cập, từ đó đưa ra những giải pháp căn cơ cho việc bảo vệ người yếu thế thông qua người đại diện theo pháp luật ngày càng hiệu quả và thiết thực.

**Từ khóa:**

Người yếu thế, tố tụng dân sự, người đại diện theo pháp luật.

**Abstract:**

The at-law representative of the involved parties is the person representing the involved parties in case they are unable to exercise their civil procedural rights and obligations by themselves. In particular, individuals who must have a legal representative are often the weak ones who are receiving the attention of the whole society. The disadvantaged people need to be protected not only in separate legal provisions or criminal law but also can be protected by progressive civil and procedural institutions, which are representative institutions.

The article identifies vulnerable subjects who are protected through legal representatives. Through the analysis of current legal provisions and practical application of the law to clarify the inadequacies, thereby providing fundamental solutions for the protection of the disadvantaged through the legal representative today more effective and practical.

**Keywords:**

Disadvantaged people, civil procedure, legal representative.

---

\* NCS., Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Email: nguyenhuyhoang.toaan@gmail.com

## 1. Đặt vấn đề

Những người yếu thế đang được Nhà nước và toàn xã hội quan tâm với những hành động thiết thực và hiệu quả. Người yếu thế cần được bảo vệ không chỉ ở các quy định pháp luật riêng biệt hay pháp luật hình sự mà còn có thể được bảo vệ bằng những chế định dân sự, tố tụng dân sự (TTDS) tiên bộ, đó chính là chế định đại diện.

Đã có nhiều bài viết về người yếu thế trên cơ sở phân tích các chính sách, pháp luật để hỗ trợ hoặc bảo vệ người yếu thế hoặc lên án, phản ánh tình trạng xâm phạm người yếu thế hay tình trạng bạo lực gia đình. Các bài nghiên cứu chủ yếu phân tích ở góc độ pháp luật nội dung hoặc nếu có ở tố tụng cũng chỉ dừng lại ở pháp luật tố tụng hình sự mà chưa có bài viết nào đặt ra vấn đề bảo vệ người yếu thế trong TTDS thông qua người đại diện theo pháp luật.

Đại diện trong hoạt động TTDS ngày càng phát triển và được đón nhận như là một văn hóa pháp lý tại Việt Nam. Đại diện trong pháp luật TTDS là việc chủ thể nhân danh và vì lợi ích của người khác tham gia vào quá trình tố tụng theo pháp luật TTDS để giúp người được đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Người đại diện không chỉ giúp người yếu thế bảo vệ quyền lợi mà còn giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án nhanh chóng, đúng pháp luật.

## 2. Người yếu thế trong tố tụng dân sự

Người yếu thế được định nghĩa trong *Từ điển Tiếng Việt* là người: “Ồ vào thế yếu. Bị yếu thế, đành chịu thua”<sup>1</sup>. Đánh giá thế nào là người yếu thế thường xuất phát từ tuổi tác, giới tính, từ những khiếm khuyết, hạn chế về thể chất, tâm thần,... dẫn đến họ gặp khó khăn, bất lợi trong cuộc sống, trong quan hệ xã hội hoặc khi tham gia vào đời sống pháp lý.

Tuy nhiên, không phải những trường hợp vừa liệt kê nêu trên thì mới là người yếu thế. Có những người không nằm trong những trường hợp trên, họ có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng họ vẫn là người yếu thế trong những quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật nào đó. Tác giả Trương Duy Lượng có nhận định: “Trong một quan hệ xã hội nhất định, dù thuộc trường hợp nào (nhóm người, một người), những đối tượng này gặp những thiệt thòi, bất lợi thì khi đó phải xác định họ là người yếu thế”<sup>2</sup>.

Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) 2015 không quy định thế nào là “người yếu thế” nhưng có đề cập đến các chủ thể này trong các quy định về năng lực hành vi TTDS của đương sự.

Theo quy định tại Điều 69 BLTTDS 2015 thì người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi TTDS. Những người không có đầy đủ năng lực hành vi TTDS bao gồm: người chưa đủ mười tám tuổi; người mất năng lực hành vi dân sự; người bị hạn chế năng lực

---

<sup>1</sup> Hoàng Phê (Chủ biên) (2019), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, tr.1483.

<sup>2</sup> Trương Duy Lượng (2019), *Bảo đảm quyền lợi cho người yếu thế trong quan hệ hợp đồng*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 21 (397), tr.48-52.

hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ TTDS và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người không có đầy đủ năng lực hành vi TTDS do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện hoặc được xác định theo quyết định của Tòa án, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 69 BLTTDS 2015<sup>3</sup>.

Theo đó, pháp luật TTDS dựa vào độ tuổi, khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, tình trạng thể chất để xác định khả năng tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia TTDS. Những người chưa thành niên được quy định tại Điều 21 BLDS 2015, người mất năng lực hành vi dân sự được quy định tại Điều 22 BLDS 2015, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được quy định tại Điều 23 BLDS 2015 được nhà làm luật xác định là những người “ô vào thể yếu”, không có khả năng tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia TTDS và cần có người đại diện để hỗ trợ họ khi tham gia các quan hệ TTDS. Như vậy, đây là những người yếu thế trong TTDS.

Đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, tuy pháp luật quy định họ phải có người đại diện để thực hiện quyền, nghĩa vụ TTDS nhưng là để tránh khả năng phá sản tài sản của gia đình<sup>4</sup> mà không phải do những người này có hạn chế về nhận thức hoặc thể chất dẫn đến không tự mình tham gia vào hoạt động TTDS nên không phải là người yếu thế.

Điểm tạo ra sự khác biệt của người yếu thế trong TTDS là họ có mặt trong quan hệ TTDS với tư cách là đương sự của các vụ việc dân sự. Tiếp đến, họ có những hạn chế về nhận thức hoặc thể chất nên họ không thể tự mình thực hiện các quyền, nghĩa vụ một cách bình đẳng với những chủ thể khác. Và vì thế, nhà nước có sự can thiệp bằng pháp luật TTDS, cụ thể là quy định về sự tham gia tố tụng của người đại diện theo pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những chủ thể này. Khi giải quyết vụ việc dân sự, việc xác định người đại diện cho những chủ thể trên là bắt buộc.

Đối với những người yếu thế khác trong xã hội như: người nghèo; phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình; người khuyết tật,... tuy họ vẫn được xác định là người yếu thế trong một số hoàn cảnh nhất định và được xã hội hỗ trợ, giúp đỡ nhưng họ không phải là người yếu thế trong TTDS vì họ có khả năng tự mình tham gia TTDS và bình đẳng về quyền, nghĩa vụ với các chủ thể khác. Tòa án cũng không có trách nhiệm phải xác định người đại diện cho họ. Vì vậy, không phải người yếu thế nào trong xã hội cũng là người yếu thế trong TTDS. Phạm vi bài viết chỉ đề cập đến những người yếu thế trong TTDS.

### **3. Những bất cập pháp luật và áp dụng pháp luật về đại diện theo pháp luật đối với người yếu thế trong tố tụng dân sự**

*Một là, người bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi nhưng chưa có tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án.*

---

<sup>3</sup> Khoản 6 Điều 69 BLTTDS 2015 quy định: Đương sự là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản riêng của mình được tự mình tham gia tố tụng về những việc có liên quan đến quan hệ lao động hoặc quan hệ dân sự đó.

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 24 BLDS 2015.

BLTTDS 2015 quy định về năng lực hành vi TTDS như sau: “*Năng lực hành vi TTDS là khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ TTDS hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia TTDS... Đương sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi TTDS, trừ người mất năng lực hành vi dân sự hoặc pháp luật có quy định khác*”<sup>5</sup>.

Năng lực hành vi TTDS có mối quan hệ mật thiết với năng lực hành vi dân sự. Như vậy, một người bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì không có năng lực hành vi TTDS.

Điều 22 Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 quy định như sau: Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Theo quy định này, có hai trường hợp xảy ra đó là: (i) Có người yêu cầu Tòa án tuyên bố đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự; (ii) Không có người yêu cầu Tòa án tuyên bố đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự.

Thực tế có nhiều tình huống đương sự bị bệnh tâm thần nhưng không ai yêu cầu Tòa án tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự nên người yếu thế không được bảo vệ thông qua người đại diện, vụ án không được giải quyết. Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn nhưng chưa hợp lý cho tình huống này: “*Khi có chủ thể cho rằng một người là đương sự trong vụ án mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án phải giải thích, hướng dẫn để họ thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự theo quy định nêu trên; trường hợp họ có yêu cầu và Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu này thì Tòa án áp dụng điểm d khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015 để tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; trường hợp họ không yêu cầu thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung*”<sup>6</sup>.

Hướng dẫn trên chỉ phù hợp cho trường hợp một (i) nhưng lại bỏ ngỏ đối với trường hợp thứ hai (ii) vì không rõ theo thủ tục chung cụ thể là như thế nào. Việc không tuân theo pháp luật trong giải đáp trên thể hiện ở chỗ, muốn theo “thủ tục chung” thì trước hết phải đúng quy định về chủ thể, năng lực chủ thể, bảo đảm quyền lợi của chủ thể tham gia tố tụng. Việc giải quyết vụ án dân sự có đương sự bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi mà không có người đại diện thì có thể khẳng định là trái pháp luật, vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó, cần phải có giải pháp pháp lý hoàn thiện cho trường hợp không có người yêu cầu Tòa án tuyên bố đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự.

*Hai là, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không có người đại diện tham gia tố tụng.*

Quy định về người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi trong BLDS 2015 là một quy định mới của pháp luật Việt Nam. Quy định này đã tạo ra hành lang pháp lý quan

<sup>5</sup> Khoản 2, 3 Điều 69 BLTTDS 2015.

<sup>6</sup> Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

trọng để giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn. Tuy nhiên, quy định về người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi trong BLDS 2015 đang bộc lộ một số hạn chế.

Khoản 1 Điều 23 BLDS 2015 quy định về người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi như sau: *“Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ”*.

Như vậy, pháp luật quy định hai yếu tố dẫn đến khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi đó là yếu tố “thể chất” và yếu tố “tinh thần”. Tuy nhiên, tình trạng thể chất hoặc tinh thần đến mức độ nào thì dẫn đến không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì điều luật chưa quy định rõ ràng, dẫn đến gây khó khăn trong quá trình áp dụng.

Luật Người khuyết tật 2010 đã có định nghĩa và sự liệt kê về các đối tượng khuyết tật với nhiều dạng tật và mức độ tật khác nhau<sup>7</sup>. Với người khuyết tật về thần kinh, tâm thần, trí tuệ thì rõ ràng có ảnh hưởng đến khả năng nhận thức. Yếu tố “thể chất”, tức những người khuyết tật vận động, khuyết tật nghe, nói, nhìn là một yếu tố “mới” mà nhà làm luật đã ghi nhận là có tác động đến nhận thức theo khoản 1 Điều 23 BLDS 2015. Vấn đề được đặt ra là, yếu tố thể chất tác động như thế nào đến khả năng nhận thức của đương sự. Ví dụ, một người bị mù, họ không thể nhìn thấy các sự vật, hiện tượng khách quan của tự nhiên và xã hội thì họ có bị ảnh hưởng đến nhận thức? Nếu xét về mức độ khuyết tật thì cũng chỉ để xác định việc họ không thể hoặc có thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày ở mức độ nào mà không đánh giá được khả năng nhận thức. Nếu một người tình trạng thể chất như trên là đương sự trong vụ án dân sự mà Tòa án không xác định họ là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và không chỉ định người giám hộ thì những người này không có người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Điều này dẫn đến sự bất bình đẳng lớn trong quan hệ TTDS. Do đó, cần có những hướng dẫn chi tiết, cụ thể để áp dụng và phù hợp với luật chuyên ngành.

Để minh chứng rõ nét hơn về bất cập, tác giả giới thiệu hai vụ việc trong thực tiễn sau đây:

---

<sup>7</sup> Khoản 1, 2 Điều 3 Luật Người khuyết tật 2010 quy định: 1. Dạng tật bao gồm: a) Khuyết tật vận động; b) Khuyết tật nghe, nói; c) Khuyết tật nhìn; d) Khuyết tật thần kinh, tâm thần; đ) Khuyết tật trí tuệ; e) Khuyết tật khác. 2. Người khuyết tật được chia theo mức độ khuyết tật sau đây: a) Người khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày; b) Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày; c) Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

*Vụ việc thứ nhất*<sup>8</sup>: Ông Nguyễn Hồng Q là công nhân hái chè, vào ngày 21/7/2019 khi đang hái chè thì bị đường dây điện cao thế 35KV của Công ty Điện lực TN quản lý chạy qua phóng điện xuống gây cháy nổ làm ông Q bị bỏng nặng, phải cắt cụt hai cánh tay, cắt cụt cẳng chân trái (tỷ lệ tổn thương cơ thể là 92%). Bà C đã đại diện ông Q làm đơn khởi kiện Công ty Điện lực TN yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, tại thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố TN xác định bà C không phải là người đại diện hợp pháp của ông Q nên không thể làm đơn khởi kiện và yêu cầu ông Q phải đứng đơn khởi kiện.

Trong vụ việc này, dường như Tòa án còn lúng túng để xác định việc ông Q bị khuyết tật vận động như vậy có ảnh hưởng đến nhận thức của ông Q hay không. Nếu xác định ông Q là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì việc bà C làm đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 189 BLTTDS 2015<sup>9</sup> nên không phải sửa đổi đơn khởi kiện.

*Vụ việc thứ hai*<sup>10</sup>: Bà Lò Thị A là nguyên đơn trong vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” được Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý và xét xử theo Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 01/9/2020. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2021/DS-PT ngày 03/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐB đã hủy bản án sơ thẩm với nhiều lý do, trong đó có nội dung: Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 16/4/2018 (BL số 09) thì bà Lò Thị A là người bị cầm đũa bẩm sinh, là đối tượng người khuyết tật dạng khuyết tật nghe - nói với mức độ nặng, được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hàng tháng là 405.000 đồng (theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ) nhưng lại có giấy ủy quyền cho ông Lò Văn Q có xác nhận của chính quyền địa phương, có đơn trình bày ý kiến (BL 72, 73). Do đó, các văn bản này không phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không mời người phiên dịch theo quy định tại Điều 20, khoản 3 Điều 69 của BLTTDS 2015, không chỉ định người giám hộ theo quy định tại Điều 23 của BLDS 2015.

Như vậy, sự đánh giá của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm về mức độ tác động của yếu tố “thể chất” đối với nhận thức để dẫn đến đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hay không là khác nhau.

#### **4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi về người đại diện theo pháp luật trong tố tụng dân sự để bảo vệ người yếu thế**

*Thứ nhất, vấn đề người bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi nhưng không ai yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố họ là người mất năng lực hành vi dân sự dẫn đến không có người đại diện tham gia tố tụng trong vụ án dân sự.*

<sup>8</sup> Hồ sơ khởi kiện và Thông báo số 223/TB-TA ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN.

<sup>9</sup> Điểm b khoản 2 Điều 189 BLTTDS 2015 quy định: Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án.

<sup>10</sup> <http://congboaban.toaan.gov.vn/2ta644288t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 30/5/2021.

*Giải pháp hoàn thiện pháp luật:* Cần thiết phải sửa đổi điều luật về giám hộ, xác định cụ thể người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan có thể làm người giám hộ là ai.

Đầu tiên, cần phải khắc phục khuyết tật của Điều 54 BLDS 2015. Theo Điều 54, Tòa án chỉ định người giám hộ trong trường hợp: “*Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự không có người giám hộ đương nhiên theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ có trách nhiệm cử người giám hộ. Trường hợp có tranh chấp giữa những người giám hộ quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật này về người giám hộ hoặc tranh chấp về việc cử người giám hộ thì Tòa án chỉ định người giám hộ*”<sup>11</sup>. Căn cứ vào quy định này, khi không có tranh chấp về giám hộ thì Tòa án không thể cử người giám hộ.

BLTTDS 2015 đã có quy định phù hợp hơn: “*Khi tiến hành TTDS, nếu có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật này thì Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng*”<sup>12</sup>.

Tuy nhiên, việc chỉ định người giám hộ và chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng có mối liên hệ mật thiết với nhau nhưng không đồng nhất. Muốn chỉ định được người đại diện để tham gia tố tụng thì phải chỉ định người giám hộ trước. Có thể thấy pháp luật nội dung đang là rào cản của quá trình TTDS. Do đó, cần thiết phải sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 54 BLDS 2015 theo hướng: *Trường hợp người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự không có người giám hộ đương nhiên theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ có trách nhiệm cử người giám hộ. Trường hợp có tranh chấp giữa những người giám hộ quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật này về người giám hộ hoặc tranh chấp về việc cử người giám hộ hoặc người giám hộ không đủ điều kiện giám hộ hoặc người giám hộ không được đại diện cho người được giám hộ trong các trường hợp cụ thể thì Tòa án chỉ định người giám hộ.*

Khi đã giải quyết được vấn đề chỉ định người giám hộ, vấn đề tiếp theo là tìm người đại diện hợp pháp cho người yếu thế<sup>13</sup>. Trong xã hội có sự phân công công việc cụ thể cho từng cá nhân khác nhau và có quy định về chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức nhưng không phải ai cũng chủ động đứng ra bảo vệ quyền lợi của “người yếu thế”, người yếu thế nhất là khi pháp luật không cụ thể.

---

<sup>11</sup> Khoản 1 Điều 54 BLDS 2015.

<sup>12</sup> Khoản 1 Điều 88 BLTTDS 2015.

<sup>13</sup> Vấn đề này cũng được đặt ra đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Quy định về chỉ định người giám hộ cũng như quy định về việc người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố một người nào đó mất năng lực hành vi dân sự là một quy định pháp luật ưu việt trong việc bảo vệ người yếu thế, góp phần tạo nên sự tiến bộ, công bằng trong xã hội. Tham khảo Luật TTDS Liên bang Hoa Kỳ cho thấy ngoài người giám hộ nói chung hay người được chỉ định giám hộ hay người chăm sóc nuôi dưỡng thì còn có người có nghĩa vụ tương tự<sup>14</sup>. Luật về giám hộ của Tiểu bang Florida - Hoa Kỳ cho thấy pháp luật không chỉ quy định về những người được giám hộ mà còn là một hệ thống đa dạng những chủ thể được phép giám hộ và hoạt động giám hộ trở thành một hoạt động phổ biến. Ở đó, có người giám hộ đương nhiên được gọi là giám hộ công cộng với các văn phòng giám hộ và chuyên nghiệp, ở đó còn có người giám hộ là bạn bè, doanh nghiệp, ngân hàng, tập đoàn hoặc người khác có trách nhiệm điều trở thành người giám hộ và là người đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự<sup>15</sup>.

Pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể người có quyền, lợi ích liên quan ở đây là ai? hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan cụ thể là cơ quan tổ chức nào? Hiện tại, ở Việt Nam đang chỉ dừng lại ở suy nghĩ rằng: Người có quyền, lợi ích liên quan ở đây là những người chủ nợ hoặc có quan hệ tài sản với đương sự bị mất năng lực hành vi dân sự và cơ quan, tổ chức hữu quan ở đây chỉ là các cơ quan bảo vệ phụ nữ, trẻ em; tổ chức công đoàn...

Theo tác giả, cần mở rộng đối tượng có thể làm người giám hộ, đó có thể là bất kỳ cá nhân nào có điều kiện và có trách nhiệm (có thể là bạn bè, hàng xóm, người thân, họ hàng, nhà hảo tâm...); bất kỳ cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm (có thể là các tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các hiệp hội, đoàn thể...). Lý do của đề xuất này bởi vì tác giả đứng trên góc nhìn là không chỉ bảo vệ quyền lợi của người yếu thế mà còn lớn hơn nữa đó là vì quyền, lợi ích cộng đồng.

#### *Giải pháp thực thi:*

*Một là*, nâng cao vai trò của Tòa án, sử dụng chế định đại diện để bảo vệ người yếu thế. Cụ thể: Tòa án có quyền tự xem xét đương sự có bị mất năng lực hành vi dân sự hay không và yêu cầu nguyên đơn phải chịu chi phí giám định. Vấn đề này được xác định là một trường hợp đặc biệt và không vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự bởi lẽ Tòa án ngoài việc tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên thì Tòa án còn có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đồng thời, pháp luật nội dung và pháp luật TTDS đều có quy định Tòa án được “chủ động” quyết định việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của những “người yếu thế” nêu trên trong một số trường hợp nhất định<sup>16</sup>. Có như vậy mới bảo vệ được người yếu thế trong trường hợp họ bị mất năng lực hành vi dân sự và giải quyết vụ án được nhanh chóng, triệt để.

---

<sup>14</sup> Điều 17 Luật TTDS Liên bang Hoa Kỳ được sửa đổi đến ngày 01/12/2020.

<sup>15</sup> Điều 102, 1012, Chương 744 về Luật Giám hộ của Quy chế Florida năm 2020.

<sup>16</sup> Khoản 5 Điều 69, khoản 1 Điều 88 BLTTDS 2015; khoản 1 Điều 54 BLDS 2015.



Lý do nguyên đơn là chủ thể được chọn để chịu chi phí giám định bởi vì nguyên đơn là người đi kiện khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, do đó pháp luật quy định nguyên đơn phải chịu tiền tạm ứng án phí, tạm ứng các chi phí tố tụng khác chẳng hạn như chi phí giám định khi Tòa án xét thấy cần thiết<sup>17</sup>, thậm chí là toàn bộ án phí trong vụ án ly hôn dù họ được chấp nhận hay bị bác yêu cầu<sup>18</sup>. Mặt khác, pháp luật tố tụng cũng có chế tài bảo đảm thực hiện trong trường hợp nguyên đơn bất hợp tác, không đóng tạm ứng chi phí giám định, đó là Tòa án đình chỉ vụ án<sup>19</sup>.

*Hai là, có thể sử dụng các chủ thể khởi kiện vì lợi ích chung, lợi ích công cộng được quy định tại Điều 187 BLTTDS 2015 để yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là người mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, để áp dụng giải pháp này cần có hướng dẫn chi tiết về các chủ thể có quyền khởi kiện để tăng khả năng và hiệu quả bảo vệ những người yếu thế.*

*Thứ hai, vấn đề người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không có người đại diện tham gia tố tụng.*

Giải pháp cho vấn đề này chính là cần phải cụ thể hóa các quy định của luật. Qua phân tích các quy phạm pháp luật và nhìn nhận các vụ việc trong thực tế thì thấy rằng, cần phải phải liệt kê những người tàn tật nặng, người đồng thời bị câm điếc, người bị mù là những người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và họ được quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi/chỉ định người đại diện để bảo vệ cho mình. Đồng thời, hướng dẫn như thế nào là khuyết tật “thể chất” và mức độ nào thì khuyết tật “thể chất” ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.

Trong trường hợp người khởi kiện là người yếu thế, bị cụt hay tay như trong vụ việc thứ nhất, nhà lập pháp đã có cơ chế bảo vệ người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điền chỉ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLTTDS 2015 đó là: Họ có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải có người có đủ năng lực tố tụng dân sự làm chứng, người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện. Do vậy, Tòa án cần tạo điều kiện giúp đỡ trong việc tìm người làm chứng hoặc có phương án ghi nhận bằng một biên bản thể hiện nội dung khởi kiện có sự chứng kiến của đại diện Tòa án (người đại diện Tòa án không phải là người tiến hành tố tụng vụ án sau này).

## **5. Kết luận**

Chế định đại diện mang trong mình nhiều tiến bộ, thể hiện rõ nét ở việc bảo vệ những người yếu thế trong các vụ việc dân sự, do đó cần phát huy và hoàn thiện.

---

<sup>17</sup> Khoản 2 Điều 160 BLTTDS 2015.

<sup>18</sup> Khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015.

<sup>19</sup> Những quy định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, hậu quả của việc nguyên đơn không nộp chi phí tố tụng đã được ghi nhận tại BLTTDS 2015 như tại khoản 2 Điều 160, điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015,... trong phạm vi bài viết tác giả không đề cập sâu về nội dung này.

Những bất cập của quy định pháp luật về người đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự hay người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi tham gia TTDS đã làm giảm tính hiệu quả và ý nghĩa của chế định đại diện. Những bất cập đó cũng mang tới nhiều khó khăn cho người áp dụng pháp luật cũng như rủi ro trong việc xét xử của Tòa án. Quan trọng hơn nữa là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người yếu thế, một chủ thể rất cần những quy định pháp luật đủ hoàn thiện để bảo vệ.

Những bất cập của luật và vướng mắc trong quá trình áp dụng chỉ là tạm thời, tất yếu được thay thế bằng những quy định, giải pháp khả quan, khách quan và phù hợp với thực tiễn cũng như các quy tắc chung của pháp luật Việt Nam. Thông qua việc đề xuất một số giải pháp, tác giả mong muốn nhận được những đóng góp để có thể hoàn thiện và phát huy hơn nữa chế định đại diện trong đời sống pháp lý nói riêng và đời sống xã hội nói chung.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Đức Hồng Hà (2008), *Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự ở Việt Nam trong việc bảo vệ phụ nữ*, Tạp chí Luật học, số 3/2008.
2. Đặng Thanh Hoa (Chủ biên) (2020), *Pháp luật tố tụng dân sự (Phần chung và phần thủ tục giải quyết vụ án dân sự)*, Nxb Hồng Đức.
3. Hoàng Phê (Chủ biên) (2019), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức.
4. Trần Thị Diệu Hương (2019), *Bảo vệ người yếu thế trong pháp luật dân sự Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 6 (382), tháng 3/2019.
5. Tường Duy Lượng (2019), *Bảo đảm quyền lợi cho người yếu thế trong quan hệ hợp đồng*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 21 (397), tháng 11/2019.
6. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng Dân sự*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
7. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Tố tụng Dân sự*, Nxb Công an nhân dân.
8. Hoàng Thu, “*Giúp người yếu thế không bị bỏ lại phía sau trong lĩnh vực pháp luật*”, <https://baophapluat.vn/tu-phap/giup-nguoi-yeu-the-khong-bi-bo-lai-phia-sau-trong-linh-vuc-phap-luat-485754.html>, truy cập ngày 30/5/2021.